

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST

Ngày 29-6-2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Quang Toán và bà Đàm Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2026/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2026, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 12/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ma Thị V, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn K, xã N, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Ông Triệu Việt D, sinh năm 1971

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Cộng hòa dân chủ nhân dân L (địa chỉ cụ thể không rõ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ma Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Triệu Việt D qua tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày

09/11/2005. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống tại thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn K, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Trong thời gian chung sống, ông D thường xuyên uống rượu say, đập phá đồ đạc trong gia đình, không chịu khó làm ăn hộ bà nuôi dạy con cái. Ông D hay có những lời lẽ xúc phạm, hăm dọa bà nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2020 đến nay, bà và ông D sống ly thân, bà làm giáo viên tại địa phương còn ông D đi xuất khẩu lao động tại Lào. Hiện nay, bà V sinh sống tại thôn K, xã N, tỉnh Tuyên Quang còn ông D đang sinh sống tại Lào (không rõ địa chỉ cụ thể). Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà xin được ly hôn với ông Triệu Việt D.

Về con chung: Bà và ông Triệu Việt D có 02 con chung là cháu Triệu Thị Thúy T, sinh ngày 28/7/2006 và cháu Triệu Việt A, sinh ngày 26/12/2015. Hiện nay cháu Triệu Thị Thúy T đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất, có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân, do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi giải quyết ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Việt A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Triệu Việt D không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Triệu Việt D hiện nay đang ở nước ngoài: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang đã thông báo, gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Triệu Việt D thông qua người thân của ông D tại Việt Nam. Thông qua con gái của ông Triệu Việt D là chị Triệu Thị Thúy T, ông D có ý kiến như sau: Hiện nay, ông đang đi xuất khẩu lao động tại Lào nên ông chưa đồng ý ly hôn và không đến Tòa án để tham gia tố tụng được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông D không có mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Triệu Việt D và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Việt A, không yêu cầu Ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử. Ông Triệu Việt D đã được người thân trong gia đình thông báo các văn

bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt ông Triệu Việt D là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của Bà Ma Thị V và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định cuộc sống chung của vợ chồng Bà Ma Thị V và Ông Triệu Việt D không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện mỗi người ở một nước không có khả năng đoàn tụ vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Ma Thị V. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 271, 273, 469, 476, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí. Xử cho Bà Ma Thị V được ly hôn với Ông Triệu Việt D. Về con chung: Giao con chung là cháu Triệu Việt A, sinh ngày 26/12/2015 cho Bà V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; Ông Triệu Việt D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Bà Ma Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của nguyên đơn, và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Ma Thị V và ông Triệu Việt D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 09/11/2005 là hôn nhân hợp pháp. Ông D hiện đang sinh sống lao động tại nước ngoài (Lào), theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Triệu Việt D hiện đang làm ăn, sinh sống tại Lào. Gia đình ông Triệu Việt D xác nhận ông D vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình để thăm hỏi con cái, tuy nhiên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của ông D. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Triệu Việt D thông qua con gái ông D, gia đình ông cam kết và đã thông báo cho ông D biết các văn bản tố tụng của Tòa án, ông D đã có ý kiến thông qua con gái của ông là ông đang đi xuất khẩu lao động nên chưa đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Triệu Việt D là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ma Thị V:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của bà Ma Thị V phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình ông D là chị Triệu Thị Thúy T. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa bà Ma Thị V và ông Triệu Việt D có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Mâu thuẫn của ông bà đã được gia đình hòa giải, bản thân bà Ma Thị V và ông Triệu Việt D đã cố gắng khắc phục nhưng đều không có kết quả. Hiện nay, giữa bà Ma Thị V và ông Triệu Việt D mỗi người ở một nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau, sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Ma Thị V và ông Triệu Việt D mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn yêu thương nhau để xây dựng cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc được nữa. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của pháp luật để chấp nhận đề nghị xin ly hôn của bà Ma Thị V.

[3.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà Ma Thị V và ông Triệu Việt D có 02 con chung là cháu Triệu Thị Thúy T, sinh ngày 28/7/2006 và cháu Triệu Việt A, sinh ngày 26/12/2015. Hiện nay cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất, có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Từ khi ông D đi xuất khẩu lao động, cháu Việt A ở cùng bà V và chị T tại thôn K, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay ông Triệu Việt D đang ở nước ngoài, từ ông D đi xuất khẩu lao động đến nay đã hơn 05 năm; bà V đang sinh sống tại Việt Nam và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Việt A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; cháu Việt A có nguyện vọng được ở cùng mẹ, ông D không có ý kiến gì về việc nuôi con. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng về việc nuôi con của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Triệu Việt A cho bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà Ma Thị V tự nguyện có trách nhiệm với con và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đề nghị của bà V là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Ma Thị V phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị V về việc xin ly hôn với ông Triệu Việt D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Ma Thị V được ly hôn với ông Triệu Việt D (*Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 09/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Việt A, sinh ngày 26/12/2015 cho bà Ma Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ông Triệu Việt D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ma Thị V phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền bà V đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000580 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, bà V đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp pháp hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
(để ghi Sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ma Ngọc Trung

